

Bản án số: 45/2019/HS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Canh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 45/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đinh Đức H; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/8/1987; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm X, thôn ĐH, xã BM, huyện KC, tỉnh Hưng Yên; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đinh Ngọc H1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; Có vợ là Hoàng Thị Diệu L1, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt tại Phiên tòa).

2. Dương Ngọc L; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/7/1993; Nơi đăng ký HKTT: Tổ Z, phường TL, TP TN, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ Y, phường QV, TP TN, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Dương Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Ma Thị T, sinh năm 1966; Có vợ là Dương Thị Huyền Tr, sinh năm 1994 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt tại phiên tòa).

3. Hoàng Kiên G; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/8/1986; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm ST, xã QT, TP TN, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Hoàng văn G1, sinh năm 1959 và bà

Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; Vợ, con: Chưa có; Tiền án 01: Năm 2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 7 năm tù về tội “Cướp tài sản” chấp hành xong phần hình sự ngày 09/02/2015 chưa nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên cử:

1. Ông Nguyễn Văn T1, Luật sư Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Bào chữa cho bị cáo Đinh Đức H (có mặt).

2. Bà Lưu Thúy H3, Luật sư Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc L (có mặt)

3. Ông Mai Anh K, Luật sư Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Bào chữa cho bị cáo Hoàng Kiên G (có mặt).

Người chứng kiến:

1. Ông Vũ Đại Q, sinh năm 1950. (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ J, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ O, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 11/12/2018 tại phòng 403 khách sạn Thọ Hương thuộc tổ J, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Công an phường Phan Đình Phùng phát hiện bắt quả tang Dương Ngọc L, sinh năm 1993, HKTT: tổ Z, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Hoàng Kiên G, sinh năm: 1986, HKTT: xóm ST, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đang có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 279 viên nén hình tròn màu xanh thu giữ trên giường (niêm phong ký hiệu A); 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu B); 01 túi nilon bên trong chứa 2,5 viên nén màu hồng (niêm phong ký hiệu C) thu giữ tại mặt bàn trong phòng; 01 chai nhựa (loại 500ml) có gắn ống thủy tinh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD màu vàng đen, BKS 20B1-392.69; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen xám, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng. Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Dương Ngọc L, Hoàng Kiên G không phát hiện thu giữ gì.

T1 hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Dương Ngọc L và Hoàng Kiên G kết quả:

- Bì niêm phong ký hiệu A thu giữ 279 viên nén hình tròn màu xanh có khối lượng **95,99 gam**, lấy toàn bộ 95,99gam viên nén màu xanh niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định.

- Bì niêm phong ký hiệu B thu giữ là chất tinh thể màu trắng có khối lượng **0,089gam**, lấy toàn bộ 0,089gam niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định.

- Bì niêm phong ký hiệu C thu giữ của L 2,5 viên nén màu hồng có khối lượng **0,251gam**, lấy toàn bộ 0,251gam niêm phong ký hiệu C1 gửi giám định.

Tại kết luận giám định số: 130/KL-PC09 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Viên nén màu xanh thu giữ của Dương Ngọc L, Hoàng Kiên G là chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là **95,99gam**; Chất tinh thể màu trắng thu giữ của L là chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng **0,089gam**. Viên nén màu hồng thu giữ của L là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng **0,251gam**. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của L và G **96,33gam**

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Ngày 08/12/2018, Dương Ngọc L đến gặp Đinh Đức H, (sinh năm 1987, HKTT: xóm X thôn ĐH, xã BM, huyện KC, tỉnh Hưng Yên) tại Khách sạn HABANA thuộc phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên H nói với L đang có ma túy tổng hợp “thuốc lắc” cần bán và bảo L tìm nơi tiêu thụ, L đồng ý, sau đó ngày 09/12/2018 L gặp T1 (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) bảo T1 đi tìm nơi tiêu thụ T1 đồng ý. Ngày 11/12/2018, Đinh Đức H gọi điện thoại cho T3 (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) đang ở khu vực chợ PT, phường TT, thành phố TP, tỉnh Thái Nguyên hỏi mua chịu 300 viên ma túy tổng hợp với giá 200.000đ/1viên, T3 đồng ý. H gọi điện cho Hoàng Kiên G (trước đây là anh vợ của H) bảo đến chỗ T3 để nhận ma túy tổng hợp “thuốc lắc” dạng viên nén màu xanh mang đến đưa cho L để L bán. Sau đó H gọi điện cho L bảo G sẽ cầm ma túy đến cho L để L bán cho khách với giá 63.000.000đ rồi L cầm tiền về cho H. Đến khoảng 15 giờ ngày 11/12/2018, T1 gọi điện thoại bảo L đến phòng 403 khách sạn Thọ Hương để bàn bạc việc mua bán ma túy với khách, sau đó một mình L đến khu vực phía sau toà nhà VINCOM Thái Nguyên thuộc phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên mua 03 (ba) viên Hồng phiến và 01 (một) gói ma túy tổng hợp “dạng đá” của một người nam giới (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 300.000đ mục đích sử dụng cho bản thân chứ không bán (khi thu giữ có tổng khối lượng 0,340gam), trên đường đi L gọi điện thoại cho Phùng Thị L1, sinh năm 1997, HKTT: xóm TS 1, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (là bạn của L) bảo L1 đến khách sạn Thọ Hương. Khi L đến phòng 403 khách sạn Thọ Hương thì gặp T1, L1 và Nguyễn Thế H1, (sinh năm 1977 HKTT: tổ F, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên) L trao đổi riêng với H1 và hai bên thống nhất H1 mua của L 300 viên ma túy tổng hợp “thuốc lắc” với giá 210.000đ/01 viên tổng cộng là 63.000.000đ. Sau khi thống nhất giá mua bán ma túy với H1, L gọi điện thoại cho H báo lại nội dung nêu trên thì H bảo L chờ tại đó để Hoàng Kiên G, (sinh năm 1986, HKTT: xóm ST, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên) đem ma túy đến. Trong lúc chờ G đến thì T1 và L1 ra về trước, chỉ còn L và H1 ở trong phòng, L bỏ số ma túy vừa mua được ra sử dụng một phần, số còn lại L để trên mặt bàn, lúc đó G gọi điện thoại cho L, L bảo đem ma túy đến phòng 403 khách sạn Thọ Hương thuộc tổ J, phường PĐP,

thành phố TN khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày G một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD màu vàng đen, BKS 20B1-392.69 đem túi ma túy tổng hợp đến khách sạn Thọ Hương vào phòng 403 giao cho L để L chuyển cho H1 kiểm tra, kiểm tra xong, H1 bảo “đúng hàng này rồi” và đặt túi ma túy xuống bên dưới gối trên giường bảo đi ra ngoài lấy tiền. Trong khi L, G chờ H1 đi lấy tiền thì bị Công an phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy như đã nêu trên.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến.

Vật chứng vụ án: 01 (một) niêm phong ký hiệu A1 bên trong có 95,617 gam mẫu hoàn lại sau giám định; 01 (một) niêm phong ký hiệu C1, bên trong có 0,108 gam mẫu hoàn lại sau giám định; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu xám; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen; 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Dương Ngọc L; 01 (một) chai nhựa loại 500ml có gắn ống thủy tinh. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 43/CT - VKS - P1, ngày 14/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Dương Ngọc L về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; Truy tố Đinh Đức H và Hoàng Kiên G về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Ngọc L phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Đinh Đức H và Hoàng Kiên G phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Đức H từ 17 năm đến 18 năm tù, phạt bổ sung bị cáo từ 5 triệu đến 7 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Ngọc L từ 1 năm đến 2 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Dương Ngọc L từ 16 đến 17 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung bị cáo từ 5 triệu đến 7 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 17 năm đến 19 năm tù.

- Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Kiên G từ 17 năm đến 18 năm tù, phạt bổ sung bị cáo từ 5 triệu đến 7 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên ngoài ghi có 95,617 gam mẫu hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu C1, bên ngoài ghi có 0,108 gam mẫu hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa loại 500ml có gắn ống thủy tinh.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu xám (thu giữ của Hoàng Kiên G); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen (thu giữ của Dương Ngọc L).

- Trả lại cho Dương Ngọc L 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Ngọc L.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo là đúng, các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải, đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề nghị cho bị cáo Đinh Đức H và bị cáo Hoàng Kiên G hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì bị cáo H ra đầu thú, bị cáo G có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huy chương và Bằng khen. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo và cho các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sớm được trở về giúp đỡ gia đình.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với các Luật sư: Các vị Luật sư đều nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo, về mức hình phạt Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm. Quyết định về hình phạt do Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do hám lời nên ngày 07/12/2018 Đinh Đức H gọi điện thoại cho T3 (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) để thỏa thuận mua chịu 300 viên ma túy tổng hợp với giá 200.000đ/ 1 viên với mục đích để bán H và Dương Ngọc L đến khách sạn HABANA bàn bạc tìm nơi bán ma túy. Sau đó đến ngày 09/12/2018 L gặp T1 (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) bảo T1 tìm nơi bán ma túy. Đến 15 giờ ngày 11/12/2018 T1, Dương Ngọc L và Đinh Đức H đã móc nối được người mua ma túy. H đã gọi điện cho Hoàng Kiên G đến gặp T3 lấy ma túy đến phòng 403, khách sạn Thọ Hương để L bán cho một người có tên Nguyễn Thế H1, sau khi thỏa thuận H1 đi ra khỏi phòng 403 và không quay trở lại. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày L, G bị công an phường Phan Đình Phùng kiểm tra bắt quả tang thu giữ **95,99gam** ma túy, loại Methamphetamine. Ngoài ra L còn tàng trữ **0,340gam** ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Ngọc L về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Đinh Đức H và Hoàng Kiên G về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy ... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

...

Nội dung Điều 251 BLHS:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

b, Methamphetamine ... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam.

4. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, ...”

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung. Trong vụ án này, Đinh Đức H là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện tội phạm; Dương Ngọc L và Hoàng Kiên G tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm tích cực.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Đinh Đức H và Dương Ngọc L chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt; bị cáo Hoàng Kiên G có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Kiên G có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, đồng thời bị cáo G phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm nguy hiểm.

[5]. Vật chứng vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên ngoài ghi có 95,617 gam mẫu hoàn lại sau giám định và 01 bì niêm phong ký hiệu C1, bên ngoài ghi có 0,108 gam mẫu hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy; 02 điện thoại di động thu giữ của L và G, các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; Trả lại cho Dương Ngọc L 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Ngọc L; Vật chứng còn lại không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[7]. Quá trình điều tra H và G khai mua ma túy của một đối tượng tự giới thiệu tên là T3 nhà ở tỉnh Thanh Hóa (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) L khai mua 0,34 gam Methamphetamine của một người nam giới (cũng không rõ họ, tên địa chỉ) do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ. Dương Ngọc L khai được một người nam giới tên là T1 (không rõ họ, tên và địa chỉ) bảo đem ma túy bán cho Nguyễn Thế H1 cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối với T1 nhưng không có cơ sở làm rõ Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Thế H1 nhưng H1 không đến Cơ quan điều tra để làm việc, tiến hành xác minh thì H1 không có mặt tại địa phương, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để xác định rõ ý thức chủ quan của Nguyễn Thế H1, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Đức H và Hoàng Kiên G phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Dương Ngọc L phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Đức H 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2019. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Ngọc L 01 (một) năm tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ vào điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Ngọc L 15 (mười lăm) năm tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2018.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Kiên G 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày

11/12/2018. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam các bị cáo Đinh Đức H, Dương Ngọc L, Hoàng Kiên G 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

II. Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) niêm phong ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thành Trung, Phạm Anh Tuấn, Trần Anh Tuấn và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ Thuật hình sự – Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 95,617 gam mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 (Một) niêm phong ký hiệu C1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thành Trung, Phạm Anh Tuấn, Trần Anh Tuấn và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ Thuật hình sự – Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,108 gam mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 chai nhựa loại 500ml có gắn ống thủy tinh.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu xám, số IMEI: 359302063866229; (thu giữ của Hoàng Kiên G);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen; số IMEI1: 866468034922858, số IMEI2: 866468034922841 (thu giữ của Dương Ngọc L).

- Trả lại cho Dương Ngọc L 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Ngọc L, sinh năm 1993.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên).

III. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Đinh Đức H, Dương Ngọc L và Hoàng Kiên G, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Minh Tuấn